

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 25 ngày 31 tháng 7 năm 2024 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Thời kỳ đảm nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Từ ngày 14 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01 tháng 8 năm 2024

Ông Nguyễn Văn Bản đã ủy quyền cho Ông Nghiêm Xuân Trường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 78/HĐUQ.DCL ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

81
NH
NG
HIỆN
AN V
& C
HÀ
A -

Số: 2.0522/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

2
N
3
C
J
V

02 - C
H
Y
TU HAN
TU VẤN
HÀ N

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.074.719.913.103	1.030.949.005.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.172.278.488	12.785.326.350
1. Tiền	111		7.172.278.488	12.785.326.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		109.354.000.000	109.354.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	109.354.000.000	109.354.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		524.564.503.719	521.648.927.607
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	209.672.704.688	199.948.638.873
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	63.601.319.172	55.832.063.278
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	272.264.782.592	286.586.951.627
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(20.974.302.733)	(20.718.726.171)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	401.686.896.607	359.343.994.305
1. Hàng tồn kho	141		411.029.202.202	366.775.399.724
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.342.305.595)	(7.431.405.419)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.942.234.289	27.816.757.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.692.672.858	2.391.425.990
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.309.937.147	25.127.942.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	939.624.284	297.389.295
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.150.070.381.651	1.129.004.440.803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.727.000.000	3.396.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.727.000.000	3.396.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		389.386.941.745	407.327.876.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	369.639.161.967	385.326.976.501
Nguyên giá	222		865.673.142.304	865.673.142.304
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(496.033.980.337)	(480.346.165.803)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	15.797.990.776	18.082.442.189
Nguyên giá	225		22.876.854.258	22.876.854.258
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.078.863.482)	(4.794.412.069)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.949.789.002	3.918.457.816
Nguyên giá	228		5.840.368.567	5.588.106.127
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.890.579.565)	(1.669.648.311)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	367.897.791.579	328.660.293.906
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		367.897.791.579	328.660.293.906
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		378.730.000.000	378.730.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	379.737.810.725	379.737.810.725
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.007.810.725)	(1.007.810.725)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.328.648.327	10.889.770.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.112.228.913	8.174.872.286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.216.419.414	2.714.898.105
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.224.790.294.754	2.159.953.446.686

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		846.444.012.228	806.295.024.201
I. Nợ ngắn hạn	310		651.326.154.347	597.701.703.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	117.857.898.681	61.886.577.089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.576.234.930	8.810.214.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.677.309.541	12.984.398.936
4. Phải trả người lao động	314		11.064.925.070	13.994.702.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	10.491.548.158	12.983.941.613
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	54.827.137.779	60.760.889.533
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	442.117.371.801	422.136.653.386
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.713.728.387	4.144.325.453
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		195.117.857.881	208.593.320.855
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	195.117.857.881	208.593.320.855
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	1.378.346.282.526	1.353.658.422.485
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.378.346.282.526	1.353.658.422.485
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		427.556.951.933	402.869.091.892
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		400.869.091.892	402.869.091.892
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.687.860.041	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.224.790.294.754	2.159.953.446.686

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	552.736.398.433	497.012.400.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.340.521.814	20.915.771.736
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		547.395.876.619	476.096.628.324
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	467.022.213.061	401.407.769.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.373.663.558	74.688.859.104
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11.109.171.978	13.770.092.896
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13.493.971.708	15.600.274.785
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.407.224.048	13.241.839.221
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	26.191.998.455	26.023.450.164
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.187.011.462	18.093.968.466
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.609.853.911	28.741.258.585
11. Thu nhập khác	31		140.672.115	845.017.361
12. Chi phí khác	32		275.424.613	54.885.735
13. Lợi nhuận khác	40		(134.752.498)	790.131.626
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.475.101.413	29.531.390.211
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	6.288.762.681	4.579.261.169
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		498.478.691	1.356.268.595
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.687.860.041	23.595.860.447
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.475.101.413	29.531.390.211
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9-11	18.193.197.201	18.100.654.747
- Các khoản dự phòng	03	2.166.476.738	1.383.868.710
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	(17.451.423)	324.871
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.082.971.875)	(3.182.974.761)
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	13.407.224.048	13.241.839.221
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	64.141.576.102	59.075.102.999
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.947.714.708	5.735.764.703
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(44.253.802.478)	(43.165.020.319)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	39.179.123.328	14.077.123.677
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(238.603.495)	(1.003.540.696)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.454.185.378)	(13.168.750.211)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.16	(12.885.786.899)	(7.795.850.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(2.430.597.066)	(1.331.562.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.005.438.822	12.423.267.096
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(52.427.872.525)	(100.581.863.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	370.636.365
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(56.345.945.205)	(66.345.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.345.945.205	90.345.945.205
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.269.187.185	4.330.527.994
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.158.685.340)	(71.880.699.010)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	475.210.372.337	397.238.811.125
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(457.488.061.701)	(358.802.646.785)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(11.217.055.195)	(4.408.429.940)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.505.255.441	34.027.734.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.647.991.077)	(25.429.697.514)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.785.326.350	36.016.062.475
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		34.943.215	2.329.189
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7.172.278.488	10.588.694.150

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc

Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ⁽ⁱ⁾	Thửa đất số 173, Tờ bản đồ số 6, Ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	80,75%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	55%	84%	84%

(i) Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (TBYT) chiếm 80,75%; tỷ lệ góp vốn của Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn, Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas vào TBYT lần lượt chiếm 19% và 0,25% nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty vào TBYT là 100%.

(ii) Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas (BenovasOn) chiếm 55% và tỷ lệ góp vốn của Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn vào BenovasOn chiếm 29% tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty vào BenovasOn là 84%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 819 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 830 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ đến ngày đáo hạn.
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.
Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5.
T
TÀI
PH
0M
1H
5981
HI N
CÓN
NHI
TOÁN
A
TẠI H
DA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	338.074.155	139.593.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.834.204.333	12.645.733.170
Cộng	7.172.278.488	12.785.326.350

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	109.354.000.000	109.354.000.000

- ⁽¹⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 4,2% đến 6,0%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	1.007.810.725	(1.007.810.725)	1.007.810.725	(1.007.810.725)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	79.980.000.000	-	79.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	80.750.000.000	-	80.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Cộng	379.737.810.725	(1.007.810.725)	379.737.810.725	(1.007.810.725)

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế		51,00%		51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.998.000	99,98%	7.998.000	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	8.075.000	80,75%	8.075.000	80,75%
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	5.500.000	55,00%	5.500.000	55,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đã ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Hoạt động chính của công ty là mua và phân phối sản phẩm cho công ty mẹ.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính (đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác kinh doanh).

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

Giao dịch với các công ty con

Xem Thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	17.004.190.177	9.888.476.325
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.203.398.902	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	9.800.791.275	9.888.476.325
Phải thu các khách hàng khác	192.668.514.511	190.060.162.548
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	21.916.749.070	16.593.394.120
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	16.687.041.020	26.259.081.099
Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Đức Hà	-	26.082.592.238
Các khách hàng khác	154.064.724.421	121.125.095.091
Cộng	209.672.704.688	199.948.638.873

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	9.982.165.208
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	-	9.982.165.208
Trả trước cho người bán khác	63.601.319.172	45.849.898.070
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	31.632.726.825	27.202.110.644
Trenwell Services Llc	16.325.150.000	5.885.000.000
Akums Drugs And Pharmaceuticals Limited	557.347.915	2.509.226.940
Các nhà cung cấp khác	15.086.094.432	10.253.560.486
Cộng	63.601.319.172	55.832.063.278

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	255.965.521.817	-	268.607.243.596	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn – Phải thu về hợp tác đầu tư (*)	253.130.776.063	-	255.347.346.335	-
Gốc hợp tác đầu tư	241.227.967.123	-	241.227.967.123	-
Lãi hợp tác đầu tư	11.902.808.940	-	14.119.379.212	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (*)	2.834.745.754	-	13.169.897.261	-
Gốc hợp tác đầu tư	2.590.000.000	-	13.050.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	244.745.754	-	119.897.261	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	40.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải - Giám đốc điều hành - Tạm ứng	-	-	50.000.000	-
Phải thu tổ chức/cá nhân khác	16.299.260.775	(4.349.490.202)	17.979.708.031	(4.349.490.202)
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.790.431.868	-	3.976.647.178	-
Ký cược, ký quỹ	527.302.596	-	257.802.596	-
Tạm ứng	3.095.897.980	(689.833.740)	3.013.221.118	(689.833.740)
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	5.597.077.266	-	6.368.458.176	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.282.951.065	(3.659.656.462)	4.357.978.963	(3.659.656.462)
Cộng	272.264.782.592	(4.349.490.202)	286.586.951.627	(4.349.490.202)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty con, thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 6,5%-9%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con. Từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi thêm gốc và lợi nhuận phát sinh liên quan đến số dư ngày 30/06/2024 của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền lần lượt là 6.579.342.397 VND và 3.420.657.603 VND.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	20.288.105.705	(16.062.423.604)	18.671.447.952	(15.806.847.042)
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>20.288.105.705</i>	<i>(16.062.423.604)</i>	<i>18.671.447.952</i>	<i>(15.806.847.042)</i>
Phải thu các khoản chi hộ	3.659.656.462	(3.659.656.462)	3.659.656.462	(3.659.656.462)
Phải thu tiền tạm ứng	689.833.740	(689.833.740)	689.833.740	(689.833.740)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	25.199.984.834	(20.974.302.733)	23.583.327.081	(20.718.726.171)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	20.718.726.171	58.166.219.285
Trích lập dự phòng bổ sung	1.039.098.094	1.706.732.963
Hoàn nhập dự phòng	(783.521.532)	(2.345.720.293)
Xóa nợ	-	(36.162.792.481)
Số cuối kỳ	20.974.302.733	21.364.439.474

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	40.366.113.658	-	15.964.044.637	-
Nguyên liệu, vật liệu	151.391.447.479	(3.597.077.041)	158.471.475.078	(2.232.934.713)
Công cụ, dụng cụ	9.798.544.064	-	11.024.248.117	-
Thành phẩm	171.366.325.313	(4.534.672.145)	135.657.942.168	(3.830.598.869)
Hàng hóa	38.106.771.688	(1.210.556.409)	45.657.689.724	(1.367.871.837)
Cộng	411.029.202.202	(9.342.305.595)	366.775.399.724	(7.431.405.419)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.431.405.419	5.070.741.591
Trích lập dự phòng bổ sung	1.910.900.176	2.022.856.040
Hủy hàng	-	(2.694.092.071)
Số cuối kỳ	9.342.305.595	4.399.505.560

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.140.221.771	1.433.153.991
Chi phí bảo hiểm	68.978.342	474.689.911
Chi phí phần mềm	871.319.742	312.774.167
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	612.153.003	170.807.921
Cộng	<u>2.692.672.858</u>	<u>2.391.425.990</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.878.490.081	3.802.095.771
Chi phí sửa chữa cải tạo	997.646.806	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.236.092.026	4.372.776.515
Cộng	<u>8.112.228.913</u>	<u>8.174.872.286</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	181.452.137.329	660.418.916.375	21.317.435.829	2.484.652.771	865.673.142.304
Số cuối kỳ	<u>181.452.137.329</u>	<u>660.418.916.375</u>	<u>21.317.435.829</u>	<u>2.484.652.771</u>	<u>865.673.142.304</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.709.352.347	210.181.692.311	9.235.279.721	1.962.414.862	233.088.739.241
Chờ thanh lý				-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	64.652.973.780	395.751.251.558	17.619.007.133	2.322.933.332	480.346.165.803
Khấu hao trong kỳ	3.560.756.792	11.494.526.878	604.107.825	28.423.039	15.687.814.534
Số cuối kỳ	<u>68.213.730.572</u>	<u>407.245.778.436</u>	<u>18.223.114.958</u>	<u>2.351.356.371</u>	<u>496.033.980.337</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	116.799.163.549	264.667.664.817	3.698.428.696	161.719.439	385.326.976.501
Số cuối kỳ	<u>113.238.406.757</u>	<u>253.173.137.939</u>	<u>3.094.320.871</u>	<u>133.296.400</u>	<u>369.639.161.967</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 269.606.396.078 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.876.854.258	4.794.412.069	18.082.442.189
Khấu hao trong kỳ	-	2.284.451.413	(2.284.451.413)
Số cuối kỳ	22.876.854.258	7.078.863.482	15.797.990.776

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	203.067.927	4.396.358.200	988.680.000	5.588.106.127
Mua trong kỳ	-	252.262.440	-	252.262.440
Số cuối kỳ	203.067.927	4.648.620.640	988.680.000	5.840.368.567
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	569.916.700	-	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.293.400.101	376.248.210	1.669.648.311
Khấu hao trong kỳ	-	196.214.254	24.717.000	220.931.254
Số cuối kỳ	-	1.489.614.355	400.965.210	1.890.579.565
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	203.067.927	3.102.958.099	612.431.790	3.918.457.816
Số cuối kỳ	203.067.927	3.159.006.285	587.714.790	3.949.789.002
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	1.088.504.119	252.262.440	(252.262.440)	(1.088.504.119)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	327.571.789.787	40.326.001.792	-	-	367.897.791.579
Công trình Nhà máy tại Long An (i)	176.931.494.667	4.515.422.793	-	-	181.446.917.460
Xây dựng tổng kho và toà nhà RD	16.777.663.812	26.736.870.950	-	-	43.514.534.762
Dự án dây chuyền Capsule 5 (ii)	133.711.474.969	8.439.020.924	-	-	142.150.495.893

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Dự án khác	151.156.339	634.687.125	-	-	785.843.464
Cộng	328.660.293.906	40.578.264.232	(252.262.440)	(1.088.504.119)	367.897.791.579

- (i) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.
- (ii) Dự án dây chuyền Capsule giai đoạn 5 với mục đích đầu tư mở rộng sản xuất viên nang rỗng, làm tăng công suất sản xuất cho nhà máy với tổng vốn đầu tư là 232.4 tỷ đồng. Dự kiến thời hạn hoàn thành quý 04/2024.
- Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tại Công trình nhà máy Tại Long An, Tổng kho và toà nhà RD và Dự án dây chuyền Capsule 5 là 9.728.490.231 VND

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.714.898.105	2.748.027.818
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(498.478.691)	(1.356.268.595)
Số cuối kỳ	2.216.419.414	1.391.759.223

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	30.202.170.997	6.852.833.498
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	4.458.261.845	6.846.219.493
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	6.614.005
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	24.906.682.734	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	837.226.418	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	87.655.727.684	55.033.743.591
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	17.509.107.623	18.882.804.845
Công ty Act (activies Chimiques Et Therapeutiques Lab)	13.628.055.000	-
Công ty Gelita Deutschland	10.894.331.520	-
Tổng Công ty IDICO-CTCP	8.893.500.000	8.893.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư WW	8.761.811.984	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học và Dược phẩm Bách Việt	-	5.222.495.518
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	111.318.192	3.688.573.863
Các nhà cung cấp khác	27.857.603.365	18.346.369.365
Cộng	117.857.898.681	61.886.577.089

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	4.587.192.966
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	-	4.587.192.966
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.576.234.930	4.223.021.716
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Đức Hà	551.028.000	-
Các khách hàng khác	1.425.206.930	1.623.021.716
Cộng	4.576.234.930	8.810.214.682

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

16a. Phải thu

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số đã thực thu trong kỳ</u>	<u>Số phải thu trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	248.641.067	248.641.067	742.906.319	742.906.319
Thuế xuất, nhập khẩu	48.748.228	583.888.266	731.858.003	196.717.965
Cộng	297.389.295	832.529.333	1.474.764.322	939.624.284

16b. Phải nộp

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.516.577.424	10.516.577.424	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.873.015.444	6.288.762.681	12.885.786.899	6.275.991.226
Thuế thu nhập cá nhân	111.383.492	1.038.625.871	1.042.797.794	107.211.569
Tiền thuê đất	-	686.249.076	392.536.260	294.106.746
Các loại thuế khác	-	1.081.788.193	1.081.394.263	-
Cộng	12.984.398.936	19.612.003.245	25.919.092.640	6.677.309.541

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.475.101.413	29.531.390.211
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.095.145.285)	(6.635.084.368)
<i>Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ</i>	(2.492.393.455)	(6.781.342.971)
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	264.484.958	36.340.718
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	168.000.000	168.000.000
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(35.236.788)	(58.082.115)
Thu nhập chịu thuế	31.379.956.128	22.896.305.843
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.275.991.226	4.579.261.169
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	12.771.455	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>6.288.762.681</u>	<u>4.579.261.169</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.695.845.232	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Benovas - chiết khấu bán hàng	2.695.845.232	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.795.702.926	12.983.941.613
Chi phí lãi vay phải trả	572.849.227	619.810.557
Chi phí hỗ trợ bán hàng	6.028.436.398	6.669.283.466
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.194.417.301	5.694.847.590
Cộng	<u>10.491.548.158</u>	<u>12.983.941.613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.088.504.119	1.168.917.407
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	1.088.504.119	1.168.917.407
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	53.738.633.660	59.591.972.126
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	193.243.333	198.345.051
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.319.100.565	-
Phải trả về bản án sơ thẩm ⁽ⁱ⁾	51.231.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	737.863.746	705.201.059
Cộng	54.827.137.779	60.760.889.533

⁽ⁱ⁾ Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND. Trong kỳ, Công ty đã trả 7.200.000.000 VND.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)</i>	362.602.391.657	349.732.285.742
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	81.868.148.809	44.822.032.431
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	121.479.613.518	123.735.807.862
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	71.499.074.178	99.071.998.935
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	87.755.555.152	82.102.446.514
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	55.473.696.004	51.646.084.004
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	20.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	5.048.696.000	3.221.084.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	30.425.000.004
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b)</i>	24.041.284.140	20.758.283.640
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	3.580.080.000	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	347.003.640	16.831.200.000
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	16.831.200.000	347.003.640
Hợp đồng số 02.069/2023/TSC-CTTC	3.283.000.500	-
Cộng	442.117.371.801	422.136.653.386

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất(năm)</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	120 tỷ VND	không quá 12 tháng	4,7%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	150 tỷ VND	không quá 12 tháng	4,6 - 4,8%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 12 tháng	4,8% - 5,57%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(iv)	200 tỷ VND	từ 25/06/2024 đến 06/06/2025	4,8% - 5,0%

- (i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).
- (ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30 tỷ đồng.
- (iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.
- (iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	349.732.285.742	51.646.084.004	20.758.283.640	422.136.653.386
Số tiền vay phát sinh	443.844.411.614	-	-	443.844.411.614
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	30.341.368.002	14.500.055.695	44.841.423.697
Số tiền vay đã trả	(430.974.305.699)	(26.513.756.002)	(11.217.055.195)	(468.705.116.896)
Số cuối kỳ	362.602.391.657	55.473.696.004	24.041.284.140	442.117.371.801

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	88.311.012.976	109.737.420.255
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	41.264.825.167	52.264.825.167
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	29.375.759.322	44.588.259.324
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	17.670.428.487	12.884.335.764
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(iv)	106.806.844.905	98.855.900.600
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	8.949.800.000	10.739.840.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	78.543.800.000	86.959.400.000
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	983.158.780	1.156.660.600
Hợp đồng số 02.069/2023/TSC-CTTC	18.330.086.125	-
Cộng	195.117.857.881	208.593.320.855

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.
- (ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa Công ty và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).
- (iii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng số 02/2023/742762/HĐTD ngày 29 tháng 09 năm 2023 với mục đích vay đầu tư dự án "Xây dựng kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP"; hạn mức là 59.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Khoản vay được thế chấp là Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 100/2023/742762/HĐBB ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 096/2023/742762/HĐBB ngày 01 tháng 11 năm 2023.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo 04 hợp đồng gồm:
- Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị với số tiền: 22.646.289.061 VND trong thời hạn thuê 5 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo.
 - Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC ngày 31/01/2023 là dây chuyền sản xuất viên nang cứng rỗng với số tiền: 138.270.000.000 VND trong thời hạn 7 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo, đã giải ngân để ứng trước cho Công ty. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán do chưa hình thành tài sản nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuê tài chính.
 - Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC ngày 16/03/2023 là xe ô tô tải (đông lạnh) với số tiền: 2.083.034.000 VND. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên là: 10,5%/năm.
 - Hợp đồng số 02.069/2023/TSC-CTTC ngày 01/11/2023 là Hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5 với số tiền 35.032.904.500 VND trong thời hạn thuê 07 năm và lãi suất áp dụng trong 06 tháng đầu tiên là 8,5%, đã giải ngân trước cho Công ty. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán do chưa hình thành tài sản nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuê tài chính.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	79.514.980.144	72.404.367.644
Trên 1 năm đến 5 năm	178.698.973.756	208.593.320.855
Trên 5 năm	16.418.884.125	-
Cộng	274.632.838.025	280.997.688.499

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	24.041.284.140	90.387.960.780	16.418.884.125	130.848.129.045
Lãi thuê phải trả	11.546.471.550	23.482.012.092	825.262.868	35.853.746.510
Nợ thuê tài chính phải trả	35.587.755.690	113.869.972.872	17.244.146.993	166.701.875.555

Số đầu năm

Tiền gốc phải trả	20.758.283.640	98.855.900.600	-	119.614.184.240
Lãi thuê phải trả	10.967.457.576	24.356.977.467	-	35.324.435.043
Nợ thuê tài chính phải trả	31.725.741.216	123.212.878.067	-	154.938.619.283

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	109.737.420.255	98.855.900.600	208.593.320.855
Nợ thuê tài chính phát sinh trong kỳ	8.914.960.723	22.451.000.000	31.365.960.723
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(30.341.368.002)	(14.500.055.695)	(44.841.423.697)
Số cuối kỳ	88.311.012.976	106.806.844.905	195.117.857.881

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.144.325.453	2.847.455.553
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.000.000.000	3.000.000.000
Chi quỹ	(2.430.597.066)	(1.331.562.500)
Số cuối kỳ	3.713.728.387	4.515.893.053

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số đầu năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	354.582.249.894	20.166.850	1.305.371.580.487
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	23.595.860.447	-	23.595.860.447
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	730.410.300.000	220.358.863.743	375.178.110.341	20.166.850	1.325.967.440.934
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	402.869.091.892	20.166.850	1.353.658.422.485
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	26.687.860.041	-	26.687.860.041
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	730.410.300.000	220.358.863.743	427.556.951.933	20.166.850	1.378.346.282.526

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	730.410.300.000	730.410.300.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

22a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	42.391,71	6.882,54

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty Liên doanh MSC (Lào)	6.409.912.464	6.409.912.464
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	4.975.554.629
Medical Supply Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	3.416.271.572
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	1.310.050.560
Các đối tượng khác	3.622.105.757	3.622.105.757
Cộng	36.162.792.481	36.162.792.481

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	212.849.546.091	137.492.684.256
Doanh thu bán thành phẩm	339.886.852.342	359.519.715.804
Cộng	552.736.398.433	497.012.400.060

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	3.901.090.835	6.677.355.131
Hàng bán bị trả lại	1.435.553.835	14.092.392.603
Giảm giá hàng bán	3.877.144	146.024.002
Cộng	5.340.521.814	20.915.771.736

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	198.261.769.604	120.718.234.253
Giá vốn của thành phẩm đã bán	266.849.543.281	278.666.678.927
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.910.900.176	2.022.856.040
Cộng	467.022.213.061	401.407.769.220

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.077.764.580	2.800.751.498
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.207.295	11.586.898
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.943.278.221	10.867.956.555
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	65.470.459	89.797.945
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.451.423	-
Cộng	11.109.171.978	13.770.092.896

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.407.224.048	13.241.839.221
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	-	1.098.419.178
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	86.747.660	1.259.691.515
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	324.871
Cộng	13.493.971.708	15.600.274.785

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.261.813.102	12.743.761.065
Chi phí vật liệu, bao bì	141.973.691	158.190.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	965.184.982	736.884.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.711.460.569	11.737.960.094
Chi phí hỗ trợ bán hàng	4.828.069.300	3.275.218.470
Chi phí vận chuyển	6.435.709.374	1.323.834.147
Chi phí mua ngoài khác	2.447.681.895	7.138.907.477
Các chi phí khác	1.111.566.111	646.653.993
Cộng	26.191.998.455	26.023.450.164

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.265.229.457	9.533.175.558
Chi phí vật liệu quản lý	589.221.474	160.883.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	328.276.399	449.749.275
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	255.576.562	(638.987.330)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.508.436.068	8.071.487.615
Các chi phí khác	240.271.502	517.660.291
Cộng	18.187.011.462	18.093.968.466

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.662.753.852	302.691.357.807
Chi phí nhân công	47.429.916.995	52.156.295.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.193.197.201	18.100.654.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.646.109.522	35.577.302.597
Chi phí khác	10.154.837.385	8.449.806.206
Cộng	460.086.814.955	416.975.417.133

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	-	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích (đến ngày 25/4/2024)	Thành viên HĐQT	16.000.000	-	16.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	-	24.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	24.000.000	-	24.000.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh (đến ngày 25/4/2024)	Thành viên HĐQT	16.000.000	-	16.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai (từ ngày 25/4/2024)	Thành viên HĐQT	8.000.000	-	8.000.000
Ông Phạm Văn Ngọc (từ ngày 25/4/2024)	Thành viên HĐQT	8.000.000	-	8.000.000
Bà Phan Thị Hòa (đến ngày 02/5/2024)	Trưởng BKS	16.000.000	-	16.000.000
Bà Lê Thị Thương (đến ngày 25/4/2024)	Thành viên BKS	8.000.000	-	8.000.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	12.000.000	-	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương (từ ngày 02/5/2024)	Trưởng BKS	6.000.000	-	6.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	-	367.716.000	367.716.000
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc	-	562.631.422	562.631.422
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng giám đốc	-	53.858.435	53.858.435
Bà Trần Khiêm (đến ngày 01/7/2024)	Phó Tổng Giám đốc	-	280.700.000	280.700.000
Cộng		168.000.000	1.264.905.857	1.432.905.857

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	488.341.244	-	488.341.244
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc	360.000.000	-	360.000.000
(từ ngày 01/3/2023)				
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng giám đốc	71.462.667	-	71.462.667
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	90.724.800	-	90.724.800
(từ ngày 01/4/2023)				
Cộng		1.010.528.711	168.000.000	1.178.528.711

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Dịch vụ tư vấn và cho thuê văn phòng	4.530.490.840	4.536.972.828
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas		
Bán hàng	200.873.996.050	154.267.169.333
Trả lại hàng mua	607.134.033	10.836.070.288
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.695.845.232	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	2.340.000.000	-
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	12.800.000.000	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải thu	124.848.493	-
Trả gốc hợp tác đầu tư	-	20.900.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	-	1.098.419.178
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.818.429.728	10.867.956.555
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	62.477.967.123
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	-	60.650.000.000
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng	242.679.934	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco		
Mua hàng	106.397.737.366	123.385.595.072
Bán hàng	10.464.216.500	5.771.801.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Mua hàng	45.096.609.730	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

15-002-C
HÀNH
S TY
M HỮU HẠN
VÀ TƯ VẤN
& C
À NỘI
TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Lâm Minh Thương

Nguyễn Lâm Minh Thương

Nghiêm Xuân Trường